

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+TD3+PPD	7:25	1+3+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
2		HSD+AMD+TTC2	7:25	5+12+0	0+0+0		4+16+2	0+0+0	chuyen 1 pvd8-avr
3		PVD8+SAVR	7:25	14+0	0+0		13+9	0+0	CHUYEN 1 H1-AMD
4		TGTH1+AMD	7:25	5+8	0+0		4+15	0+0	
5		RC3+MRM+P2	9:25	4+3+3	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
6		PVD8+TD2+P3	9:25	13+0+0	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
7		PVD8+TTC1	9:25	14+0	0+0		18+4	0+0	
8		T.UNG-RC5	10:15	15+0	0		15+4	0	
9		P5+PPD	11:50	7+2	0+0		2+20	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày PPD-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: VSP01 - TD3 - PPD	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0551	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG HUU THUAN	VSP01	72-73	2	15			70	CODIEN	Vietnamese
2	ZHDANOV VLADIMIR	TD3	21	1	17			137	KHOAN	Russian
3	HA KHUONG DUY	TD3	25-26	2	19			66	KHOAN	Vietnamese
4	LUU DINH MINH	TD3	22-23	2	14	1	7	85	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO XUÂN SƠN	PPD	97,31	2	8			77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THẮNG	PPD	33-34	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	35	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	01	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	PPD						68	KHI	Vietnamese
10	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG	PPD						61	KHI	Vietnamese
11	PHẠM THỊ HẢO	PPD	36-38	3	6			55	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN VINH	PPD	95	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SY KHOA	PPD						74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	94	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	PPD	42	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUANG HUY	PPD	40-41	2	6			66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO XUÂN HÀ	PPD	96	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	39	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TÂN	PPD	32	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	1	70	2	15	0	0	0		
2	TD3	3	288	5	50	1	7	2		
3	PPD	15	996	17	71	0	0	20		
TOTAL		19	1.354	24	136	1	7	22		
WEIGHT KG			1.354		136		7			

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: HSD - AMD - TTC2	CREW: DƯƠNG - MTHAO - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0554	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRUONG XUAN CHI	HSD	07	1	5			73	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN BA QUAN	HSD	08-09	2	6			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOAN THANH MAI	HSD	04	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH TUNG	HSD	06	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET THANG	HSD	05	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NAM TRUNG	AMD	95-96	2	15	6	50	75	HLJOC	Vietnamese
7	TRINH THUONG MAI	AMD	97-98	2	13			59	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	80-81	2	10			87	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN PHA	AMD	90	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THUY	AMD	86-88	3	19			76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC PHUC	AMD	85	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HIEU THAO	AMD	89	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG LONG	AMD	84	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	AMD	300	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG CONG TAN	AMD	99	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH VINH	AMD	82-83	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI BA HUNG	AMD	91	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HSD	5	354	6	32	0	0	4		
2	AMD	12	821	18	114	6	50	16		
3	TTC2	0	0	0	0	1	8	2		
TOTAL		17	1.175	24	146	7	58	22		
WEIGHT KG			1.175		146		58			

GRAND TOAL: 1.379 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG
MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG - 1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0557	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG KIM SƠN	PVD8	49	1	8	1	5	65	PVDO	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN BÔNG	PVD8	34-35	2	15			74	PVD LOGGI	Vietnamese
3	BUI ANH TU	PVD8	45	1	10	2	37	71	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH TÙNG	PVD8	39	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG VĂN MẠNH	PVD8	38	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC SANG	PVD8	40	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THAI VIỆT	PVD8	46	1	11			69	DVL	Vietnamese
8	VŨ TRƯỜNG GIANG	PVD8	50-51	2	15	2	12	68	DVL	Vietnamese
9	TRẦN HUA TUAN	PVD8	36-37	2	19			63	HALLIBUR	Vietnamese
10	RAFE WILLIAM LISTER	PVD8	43-44	2	13			80	HALLIBUR	British
11	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	PVD8	47-48	2	15			65	HALLIBUR	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD8	33	1	8	2	43	73	PVD DD	Vietnamese
13	TRỊNH XUÂN CƯỜNG	PVD8	31-32	2	19			68	PVD DD	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HOÀN	PVD8	41-42	2	18			67	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	971	21	175	7	97	13	1	CHUYEN 1 PVD8 - SAVR
2	SAVR	0	0	0	0	2	17	9		
TOTAL		14	971	21	175	9	114	22		
WEIGHT KG			971		175		114			

GRAND TOAL: 1.260 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

PHẠM NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: NAU -1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: LТУÁN - XTRƯỜNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0546	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	23	1	11	1	10	61	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC NHÀ	TGTH1	25	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH1	22	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN GIANG	TGTH1	20	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HAI	TGTH1	24	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG PHÚC PHI	TGTH1	21	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	43-44	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THƯỢNG	AMD	39	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	37	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
10	TẶNG VĂN BA	AMD	42	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CAO TẶNG	AMD	41	1	5			76	PSV	Vietnamese
12	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	40	1	5			55	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	38	1	7			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	6	398	6	44	1	10	4		CHUYEN 1 PAX TỪ TGTH1 -AMD
2	AMD	7	487	8	48	0	0	15		
TOTAL		13	885	14	92	1	10	19		
WEIGHT KG			885		92		10			

GRAND TOAL: 987 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM - 2	TO: RC3 - MRM - P2	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0552	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ DUY AN	RC3	51	1	12	4	82	121	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	RC3	49	1	11			70	ANTOAN	Vietnamese
3	LÊ MẠNH THẮNG	RC3	96-97	2	10			69	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH VƯƠNG	RC3	98	1	6			102	ANTOAN	Vietnamese
5	EREMEEV EVGENII	MRM	18	1	17			100	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN VINH KHA	MRM	15	1	11			77	DVL	Vietnamese
7	LÊ THANH TRUNG	MRM	16	1	15			70	DVL	Vietnamese
8	LUU TIEN TOI	MRM	17	1	8			60	AMNGR	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN NINH	P2	57-58	2	14	1	9	70	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HIEN	P2	60-61	2	6			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	P2	62	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	4	362	5	39	4	82	0		
2	MRM	4	307	4	51	0	0	9		
3	P2	3	204	5	28	1	9	13		
TOTAL		11	873	14	118	5	91	22		
WEIGHT KG			873		118		91			

GRAND TOAL: 1.082 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8 - TD2 - P3	CREW: DUONG - MTHAO - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0555	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ VĂN TUƠNG	PVD8	06	1	13			67	PVDWS	Vietnamese
2	LÊ TẤN ĐẠT	PVD8	03-04	2	11			54	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY THANH	PVD8	12	1	8			83	PVDO	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CUƠNG	PVD8	16	1	9	2	21	67	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THÊU	PVD8	18	1	5			77	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD8	09	1	10			59	PVDO	Vietnamese
7	NGÔ TRUNG KIẾN	PVD8	07	1	6			58	PVDO	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN KIỂM	PVD8	13	1	8			72	PVDO	Vietnamese
9	VÕ NGỌC PHU	PVD8	11	1	10			68	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THANH	PVD8	08	1	8			56	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÔNG HAI	PVD8	05	1	4			56	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẠC	PVD8	17	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN Y	PVD8	010	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	854	14	102	2	21	12		
2	TD2	0	0	0	0	1	10	6		
3	P3	0	0	0	0	2	24	4		
TOTAL		13	854	14	102	5	55	22		
WEIGHT KG			854		102		55			

GRAND TOAL: 1.011 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: PVD8 - TTC1	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0558	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ ĐẠI THÀNH	PVD8	65	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẬU HUY HOANG	PVD8	71-72	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO ĐÌNH HUY	PVD8	77-78	2	10			82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC ĐẠI	PVD8	66-67	2	18			84	KH-THAC	Vietnamese
5	IUKHIMCHUK A.	PVD8	73	1	12			84	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	PVD8	68-69	2	20			54	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THĂNG	PVD8	60	1	6			77	PSV	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÙNG	PVD8	61	1	4			59	PSV	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH THIN	PVD8	59	1	5			70	PSV	Vietnamese
10	HÀ TÂN ĐƯỢC	PVD8	70	1	7			82	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN TUAN	PVD8	64	1	6			70	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN VU QUANG ANH	PVD8	63,74	2	12			76	PVDO	Vietnamese
13	LY A BÌNH	PVD8	62	1	3			62	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN THANH HAI	PVD8	75-76	2	15			82	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.011	20	137	0	0	18		
2	TTC1	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		14	1.011	20	137	0	0	22		
WEIGHT KG			1.011		137		0			

GRAND TOAL: 1.148 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:15
B.CARD: HONG-2	TO:T.UNG - RC5	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 13:15
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0547	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN NGÔ HOÀN	T.UNG	800,999	2	15	6	118	63	YTE	Vietnamese
2	ZELENSKY A.	T.UNG	95	1	7			89	KH-THAC	Russian
3	PHAN VIET TUNG	T.UNG						75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	76	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	75	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ HIỀN THANH	T.UNG	84-85	2	14			52	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	86-87	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	3000	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG						80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HIỆU	T.UNG	97-98	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUẤN	T.UNG	83	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU ĐỨC NGUU	T.UNG	1000,74	2	8			66	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN TƯ LONG	T.UNG	96	1	4			65	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẶC TUYÊN	T.UNG	99	1	4			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	14	970	17	88	6	118	15		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		14	970	17	88	6	118	19		
WEIGHT KG			970		88		118			

GRAND TOAL: 1.176 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: P5 - P2	CREW: LINH - NPHÚ - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0553	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THANH HAI	P5	67	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN ANH	P5						78	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN GIANG	P5						76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN KY	P5	69	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	P5	68	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TA TRUNG DUNG	P5	91	1	12			95	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TUAN DAT	P5	65-66	2	11			75	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KHOI	P2	19	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI XUAN DIEP	P2	18	1	8			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	7	537	6	44	0	0	2		
2	P2	2	133	2	14	0	0	20		
TOTAL		9	670	8	58	0	0	22		
WEIGHT KG			670		58		0			

GRAND TOAL: 728 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+P11	7:25	12+0	0+0		11+11	0+0	
2		SAVR+CTK3	9:25	10+1	0+0		5+17	0+0	

TTBBSX

I/ Đi chuyến 1 về chuyến 2 : 2ng Savr



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:SAVR - CTK3	CREW: LINH - SON - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0566	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	RAZUMOV SERGEY	SAVR	85-86	2	13			76	AMNGR	Russian
2	LIAPIN ALEKSEY	SAVR	87-88	2	17			91	AMNGR	Russian
3	GORBACHEVA ALENA	SAVR	89	1	6			93	AMNGR	Russian
4	ĐỖ HOÀI NAM	SAVR	77	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HIỆU	SAVR	76	1	16			83	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH VAN KIEN	SAVR	84	1	8			62	DMC-MI	Vietnamese
7	SOMJET KETTHONG	SAVR	82-83	2	15			83	DMC-MI	Thailand
8	TRƯƠNG VIỆT LONG	SAVR	80-81	2	14			78	PVD LOGG	Vietnamese
9	JOHN TRIA OGSIMER	SAVR	78-79	2	19			90	BAKER HU	Philippines
10	NGUYỄN VĂN HIỆU	SAVR	74-75	2	20			71	BAKER HU	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3						77	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	10	792	16	136	0	0	5		
2	CTK3	1	77	0	0	0	0	17		
TOTAL		11	869	16	136	0	0	22		
WEIGHT KG			869		136		0			

GRAND TOTAL: 1.005 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGO VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR - P11	CREW: LINH - SON - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0565	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KEMPF KONSTANTIN	SAVR	73	1	3			78	AMNGR	Russian
2	KHOLODKOV EVGENY	SAVR	71-72	2	10			97	AMNGR	Russian
3	TIMOFEEV ALEKSEI	SAVR	59-60	2	20			65	AMNGR	Russian
4	LAPUKHIN VLADIMIR	SAVR	63-64	2	8			86	AMNGR	Russian
5	CHERNUSHENKO VLADIMIR	SAVR	57-58	2	11			90	AMNGR	Russian
6	NEFEDOV VIKTOR	SAVR	66	1	12			95	AMNGR	Russian
7	BABAYEV NAZIM	SAVR	70	1	6			94	AMNGR	Azerbaijan
8	SAGIROV DMITRII	SAVR	61-62	2	14			79	AMNGR	Russian
9	ALIYEV YALCHIN	SAVR	68	1	8			88	AMNGR	Azerbaijan
10	PARAMONOV ALEKSEY	SAVR	67	1	8			96	AMNGR	Russian
11	ZHIGALTSEV VASILY	SAVR	65	1	10			97	AMNGR	Russian
12	NASENNIK ANATOLII	SAVR	69	1	8			96	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	12	1.061	17	118	0	0	11		
2	P11	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		12	1.061	17	118	0	0	22		
WEIGHT KG			1.061		118		0			

GRAND TOAL: 1.179 KGS

VSP REP.

 NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

 VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

 NGÔ VĂN LINH
 PHẠM THÁI SƠN